

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/DS-ST

Ngày: 30/01/2018

V/v tranh chấp hợp đồng

dân sự về vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Ông Nguyễn Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Mộng Cẩm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2017/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2017/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Võ Thị Bích N, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Địa chỉ: khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Trần Hoàng P, sinh năm 1987, Địa chỉ ấp P, xã T1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 03/10/2017). (có mặt)

2. Bị đơn: Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1968. (vắng mặt)

Địa chỉ: khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 08/11/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Bích N do anh Trần Hoàng P là đại diện trình bày: Ngày 17/12/2015 bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T có vay của nguyên đơn số tiền 450.000.000đ thỏa thuận lãi suất 3%/tháng thời hạn vay là 18 tháng, bị đơn có viết giấy thế chấp và giao cho nguyên đơn quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ792281 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 08/3/2011 cho Nguyễn Thị

Bích T phần đất thừa số 63, diện tích 80,9m², tờ bản đồ số 38, địa chỉ: khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Khi viết Giấy thế chấp bị đơn có ghi rõ “nếu quá 18 tháng không hoàn lại số tiền thì giấy tờ nhà và đất sẽ thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn”. Ngày 20/01/2016 (nhằm ngày 11/12/2015 âm lịch) bị đơn tiếp tục vay số tiền 10.000.000đ hạn đến ngày 05/02/2016 (nhằm ngày 27/12/2015 âm lịch) trả vốn và lãi, bị đơn có viết giấy vay tiền. Nhưng sau khi vay bị đơn không đóng lãi, đến hết thời hạn 18 tháng bị đơn cũng không trả tiền vốn và không giao nhà, đất như thỏa thuận. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vốn 460.000.000đ và lãi tính bằng 0,5%/tháng tính từ thời điểm bị đơn nhận số tiền vốn đến ngày xét xử cụ thể: đối với số tiền 450.000.000đ tính từ ngày 17/12/2015 đến ngày xét xử là 25 tháng số tiền 56.250.000đ; đối với số tiền 10.000.000đ tính từ ngày 20/01/2016 đến ngày xét xử là 24 tháng số tiền 1.200.000đ; tổng cộng lãi 57.450.000đ. Nguyên đơn trả lại cho bị đơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD792281 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 08/3/2011 cho Nguyễn Thị Bích T phần đất thừa số 63, diện tích 80,9m², tờ bản đồ số 38, địa chỉ: khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ cho bị đơn Nguyễn Thị Bích T các văn bản tố tụng, bản sao đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện do nguyên đơn yêu cầu Tòa án tổng đạt, triệu tập bị đơn Nguyễn Thị Bích T đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng bị đơn Nguyễn Thị Bích T vắng mặt không lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt hợp lệ cho bị đơn Nguyễn Thị Bích T nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Tòa án tiếp tục triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Thị Bích T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật giải quyết vụ án: Ngày 17/12/2015 nguyên đơn Võ Thị Bích N cho bị đơn Nguyễn Thị Bích T vay số tiền 450.000.000đ và ngày 20/01/2016 nguyên đơn tiếp tục cho bị đơn vay số tiền 10.000.000đ. Như vậy, giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện xong, do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả vốn và lãi nên phát sinh tranh chấp. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Võ Thị Bích N khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Bích T trả số tiền vốn 460.000.000đ, lãi 57.450.000đ và nguyên đơn tự nguyện trả lại cho bị đơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD792281 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 08/3/2011 cho Nguyễn Thị Bích T phần đất thừa số 63, diện tích 80,9m², tờ bản đồ số 38, địa chỉ: khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều

471, 474, 476 và Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”.

[3] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Thị Bích T.

[4] Về nội dung: Nguyên đơn bà Võ Thị Bích N do anh Trần Hoàng P đại diện khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T trả số tiền vốn 460.000.000đ và lãi tính bằng 0,5%/tháng số tiền là 57.450.000đ. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Ngày 17/12/2015 bị đơn Nguyễn Thị Bích T có vay của nguyên đơn Võ Thị Bích N số tiền vốn 450.000.000đ, bị đơn viết giấy thế chấp và giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ792281 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 08/3/2011 cho Nguyễn Thị Bích T phần đất thửa số 63, diện tích 80,9m², tờ bản đồ số 38, địa chỉ: khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cho nguyên đơn quản lý. Ngày 20/01/2016 bị đơn tiếp tục vay số tiền 10.000.000đ và có viết giấy mượn tiền giao cho nguyên đơn. Như vậy cho thấy, bị đơn Nguyễn Thị Bích T có vay của nguyên đơn Võ Thị Bích N số tiền vốn 460.000.000đ là có thật.

[4.2] Căn cứ vào giấy thế chấp ngày 17/12/2015 bị đơn Nguyễn Thị Bích T nhận số tiền của nguyên đơn Võ Thị Bích N là 450.000.000đ thỏa thuận thời hạn trả tiền là 18 tháng và giấy vay tiền ngày 20/01/2016 bị đơn nhận số tiền 10.000.000đ thỏa thuận thời hạn trả tiền ngày 05/02/2016 nhưng đến nay bị đơn chưa trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn 460.000.000đ là có căn cứ chấp nhận.

[4.3] Về lãi suất: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi đối với số tiền vốn 460.000.000đ với mức lãi suất bằng 1,125%/tháng tính từ 17/12/2015. Nhưng tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin thay đổi bổ sung về việc tính lãi, yêu cầu bị đơn trả lãi với mức lãi suất bằng 0,5%/tháng tính từ thời điểm bị đơn nhận số tiền vốn đến ngày xét xử cụ thể: đối với số tiền 450.000.000đ tính từ ngày 17/12/2015 đến ngày xét xử là 25 tháng số tiền 56.250.000đ; đối với số tiền 10.000.000đ tính từ ngày 20/01/2016 đến ngày xét xử là 24 tháng số tiền 1.200.000đ; tổng cộng lãi 57.450.000đ. Xét việc thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận phù hợp theo quy định tại Điều 474 và 476 của Bộ luật dân sự năm 2005. Bởi lẽ, theo Giấy thế chấp do bị đơn lập ngày 17/12/2015 và Giấy vay tiền ngày 20/01/2016 bị đơn vay tiền của nguyên đơn không có ghi rõ lãi suất nhưng tại đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày khi cho bị đơn vay tiền lãi suất thỏa thuận là 3%/ tháng. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn nộp cho Tòa án và các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ. Như vậy cho thấy, việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn có thỏa thuận lãi suất và bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả lãi là có thật. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với các khoản vay với mức lãi

bằng 0,5%/ tháng là thấp hơn mức lãi suất cơ bản là 9%/ năm do Ngân hàng nhà nước công bố theo Quyết định số 2868-QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 và có lợi cho bị đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử cần buộc bị đơn Nguyễn Thị Bích T có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn Võ Thị Bích N số tiền lãi tính mức lãi suất bằng 0,5%/ tháng, tính từ thời điểm bị đơn nhận số tiền vốn đến ngày xét xử cụ thể: đối với số tiền 450.000.000đ tính từ ngày 17/12/2015 đến ngày xét xử là 25 tháng số tiền 56.250.000đ; đối với số tiền 10.000.000đ tính từ ngày 05/01/2016 đến ngày xét xử là 24 số tiền 1.200.000đ; tổng cộng lãi 57.450.000đ.

[5] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ792281 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 08/3/2011 cho Nguyễn Thị Bích T phần đất thửa số 63, diện tích 80,9m², tờ bản đồ số 38, địa chỉ: khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long bị đơn đã giao cho nguyên đơn khi vay tiền. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tự nguyện trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn nên được ghi nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn Nguyễn Thị Bích T có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền vốn lãi 517.450.000đ buộc trả cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể:

Buộc bà Nguyễn Thị Bích T chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 24.698.000đ. [tính 20.000.000đ + 4% x (517.450.000đ – 400.000.000đ)].

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 471, 474, 476 và Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị Bích N do anh Trần Hoàng P là đại diện.

1.1. Buộc bị đơn Nguyễn Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Võ Thị Bích N số tiền vốn 460.000.000đ và lãi 57.450.000đ, tổng cộng vốn lãi 517.450.000đ (Năm trăm mười bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng còn phải

chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Buộc nguyên đơn Võ Thị Bích N có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn Nguyễn Thị Bích T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ792281 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 08/3/2011 cho Nguyễn Thị Bích T phần đất thừa số 63, diện tích 80,9m², tờ bản đồ số 38, địa chỉ: khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bị đơn Nguyễn Thị Bích T có nghĩa vụ nộp số tiền 24.698.000đ (Hai mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Trả lại cho nguyên đơn bà Võ Thị Bích N số tiền 14.512.000đ (Mười bốn triệu năm trăm mười hai nghìn đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0014218 ngày 08/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Nga